

TÀI LIỆU CÁC MÔN HỌC TUẦN 2 – KHỐI 8

MÔN VĂN

Tiết 3: VĂN BẢN: TRONG LÒNG MẸ

(Trích “ Những ngày thơ ấu” - Nguyên Hồng)

I. Đọc hiểu chú thích

1. Tác giả

Tên thật: Nguyễn Nguyên Hồng (1918 -1982)

- Trước CM chủ yếu sống ở Hải Phòng trong xóm lao động nghèo.
- Sáng tác nhiều thể loại khác nhau: tiểu thuyết, kí, thơ...
- Được truy tặng giải thưởng HCM về văn học nghệ thuật năm 1986

2. Tác phẩm

a. **Xuất xứ** : “*Trong lòng mẹ*” trích chương IV của tập hồi kí “*Những ngày thơ ấu*” - là tập hồi kí viết về tuổi thơ cay đắng của tác giả

b. **Thể loại**: Hồi kí

c. **Bố cục**: 2 phần

d. **PTBĐ**: Tự sự + biểu cảm

II. Đọc hiểu văn bản

1. Cuộc đối thoại giữa bà cô và chú bé Hồng

a. Nhân vật bà cô

- Cười hỏi: “Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không?”
 - Hỏi bằng giọng vẫn ngọt “Sao lại không vào...có như dạo trước đâu”, mắt long lanh, chăm chăm đưa nhìn
 - Vỗ vai, cười mà nói rằng “Mày dại quá...thăm em bé chứ”
 - Tươi cười kể các chuyện
 - Đổi giọng nghiêm nghị, vỗ vai an ủi cháu, tỏ sự ngậm ngùi thương tiếc người anh vừa mất...
 - > *Ra vẻ quan tâm, thực chất là sự đóng kịch; sự giả dối, mỉa mai châm chọc; sự giả dối, đầy ác ý*
- Mục đích: cố ý gieo rắc những hoài nghi để bé Hồng khinh miệt và ruồng rẫy mẹ, chia rẽ tình cảm

⇒ **là người lạnh lùng, thâm hiểm và tàn nhẫn**

b. Nhân vật bé Hồng

- *Hoàn cảnh sống*: Lớn lên trong một gia đình không hạnh phúc: bố nghiện ngập, mất sớm; gia đình sa sút; mẹ túng quá phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực

+ Sống với bà cô và trong sự ghẻ lạnh của họ hàng

⇒ **Bất hạnh, thiếu tình thương yêu**

- *Trong cuộc đối thoại với bà cô*

Lúc đầu: toan trả lời “có” nhưng rồi lại cúi đầu không đáp mà chỉ cười đáp lại

-> **Thông minh, nhạy cảm, nhận ra sự giả dối trong lời nói của bà cô**

- Sau:

+ Lòng càng thất vọng, khoé mắt cay cay->**Đau xót, phẫn uất**

+ Nước mắt ròng ròng rớt xuống, chan hoà đầm đìa ở cằm, ở cổ ->**Sự đau đớn, phần uất không kìm nén nổi**

+ Cười dài trong tiếng khóc, cổ họng nghẹn ứ, khóc không ra tiếng->**Sự đau đớn, uất ức lên đến cực điểm**

+ Cười dài trong tiếng khóc, cổ họng nghẹn ứ, khóc không ra tiếng->**Sự đau đớn, uất ức lên đến cực điểm**

+ Suy nghĩ: “giá những cô tục đã đầy đoạ mẹ.....nát vụn mới thôi”->**Sự căm tức đến tột cùng những cô tục tàn ác đã đầy đoạ mẹ**

- Cười dài trong tiếng khóc nổi đau xót, tức tưởi cao độ cho người mẹ đang dâng lên trong lòng.

- BPNT: so sánh, lời văn dồn dập với các hình ảnh, các động từ mạnh: cắn, nhai, nghiền

-> Khắc hoạ rõ nét tình cảm, cảm xúc của bé Hồng

=>**Luôn tin tưởng, yêu thương mẹ sâu sắc, mãnh liệt**

2. Niềm hạnh phúc của bé Hồng

a. Khi gặp lại mẹ

- Hành động: đuổi theo, gọi bồi rồi: Mợ ơi, mợ ơi, mợ ơi...

- Suy nghĩ: Nếu không phải là mẹ thì ... và cái lầm đó không những làm cho bé Hồng thẹn mà còn tủi cực nữa, khác nào cái ảo ảnh ngã gục giữa sa mạc”

- Biện pháp tu từ: so sánh giả định độc đáo, mới lạ (nỗi thất vọng trở thành tuyệt vọng. Hi vọng tột cùng và thất vọng cũng tột cùng)

=>**Nỗi khao khát được gặp mẹ cháy bỏng trong tâm can**

b. Khi biết đúng là mẹ

+ Đuổi kịp, thở hồng hộc, trán đầm mồ hôi

+ Khi trèo lên xe tôi rú cả chân lại, oà khóc nức nở

=>**Niềm hạnh phúc, sung sướng khi được gặp lại mẹ sau bao ngày xa cách**

c. Khi ngồi trong lòng mẹ

- **Cảm nhận về mẹ:**

+ Thấy mẹ không còm cõi, xơ xác, gương mặt mẹ vẫn tươi sáng ... hai gò má

+ Thấy hơi quần áo, hơi thở của mẹ thơm tho một cách lạ thường.

- **Cảm giác:**

+ Thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt.

+ Phải bé lại và lăn vào lòng mẹ ...mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng

+ Không nhớ mẹ đã hỏi và trả lời mẹ những gì, không mấy may nghĩ ngợi gì đến những câu nói của bà cô

* NT miêu tả tâm lí tinh tế, sắc sảo và sinh động.

=>**Cảm giác sung sướng đến cực điểm của đứa con khi được ở trong lòng mẹ. Tình mẫu tử thiêng liêng đầy cảm động**

III. Ghi nhớ: Sgk/21

IV. Luyện tập

Học sinh sưu tầm những bài hát, ca dao, bài văn viết về Mẹ

Tiết 5: BỐ CỤC CỦA VĂN BẢN

I. Tìm hiểu bài:

1. Bố cục của văn bản:

VD: vb Người thầy đạo cao đức trọng

*MB :đoạn 1

->giới thiệu về CVA->**chủ đề**

*TB: đoạn 2,3 ->bàn về tài đức vẹn toàn của CVA->**trình bày các khía cạnh của vấn đề**

*KB: đoạn cuối->Tình cảm của mọi người đối với CVA->**tổng kết lại vấn đề**

-> **Sự tổ chức , sắp xếp các đoạn văn để thể hiện chủ đề=> Bố cục văn bản.**

2. Cách bố trí sắp xếp nội dung phần thân bài của văn bản

a. Văn bản : Tôi đi học

- Những kỉ niệm về buổi đến trường đầu tiên : **sắp xếp theo sự hồi tưởng**

- Các cảm xúc: **sắp xếp theo thứ tự thời gian.**

- Những cảm xúc trên con đường tới trường, những cảm xúc khi bước vào lớp học : **sắp xếp theo sự liên tưởng đối lập**

b. Văn bản : Trong lòng mẹ

Tình thương mẹ và thái độ căm ghét cực độ những cô tục đã dày đoạ mẹ ,niềm vui sướng cực độ khi được ngồi trong lòng mẹ ...=>**Sắp xếp theo diễn biến tâm trạng**

c.**Tả phong cảnh, người, vật:** --Từ xa-gần, từ ngoài- trong, từ trên- dưới, chính thể - bộ phận,..

->**theo thứ tự không gian.**

-Trước đây-bây giờ, lúc nhỏ-lúc lớn.-> **thứ tự thời gian**

d. Văn bản: Người thầy đạo cao đức trọng”

- Các sự việc nói về Chu Văn An là người đạo cao đức trọng:

->**theo thứ tự các sự việc (theo thứ tự mạch suy luận)**

II. Ghi nhớ: Sgk/25

III. Luyện tập

Các em làm bài 1, 2, 3/ 27

Tiết 6: TRƯỜNG TỪ VỰNG.

I.Tìm hiểu bài

1. Thế nào là trường từ vựng?

- Các từ: Mặt, mắt, da, gò má, đầu, đuôi, cánh tay, miệng => đều chỉ bộ phận cơ thể con người

=> **Cùng một trường từ vựng**

* **Dụng cụ nấu nướng:** nồi, xoong, chảo, niêu, ấm..

***Bài thơ:** câu thơ, dòng thơ,..

***Trường học:** lớp học, sân trường, học sinh, thầy giáo....

* **Dụng cụ nấu nướng:** nồi, xoong, chảo, niêu, ấm..

***Bài thơ:** câu thơ, dòng thơ,..

***Trường học:** lớp học, sân trường, học sinh, thầy giáo....

=> **Trường từ vựng** : Là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa

2. Ghi nhớ: (sgk/21)

II. Lưu ý:

1. Một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn

Vd :Trong trường từ vựng”cây”:

- + Bộ phận của cây: lá, thân, hoa.
- + Đặc điểm của cây: to, nhỏ, ...
- + Đặc điểm sinh trưởng: nhanh, chậm, sinh sôi, phát triển...

2. Một trường từ vựng có thể bao gồm những từ khác biệt nhau về từ loại

Vd:

- + Danh từ: lá, thân, hoa
- + Động từ: sinh sôi, phát triển
- + Tính từ: to, nhỏ, nhanh chóng

3. Do hiện tượng nhiều nghĩa, một từ có thể thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau

Vd: Từ “ngọt” thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau do hiện tượng nhiều nghĩa của từ .

4. Người ta thường dùng cách chuyển trường từ vựng của các từ để tăng thêm tính nghệ thuật của ngôn từ và khả năng diễn đạt

- Vd :Các từ in đậm thuộc trường từ vựng “người” chuyển sang trường từ vựng “thú vật” để nhân hoá -> tăng sức gợi cảm, tính nghệ thuật của ngôn từ.

III. LUYỆN TẬP SGK/ 23

Các em làm bài 1 đến bài 4 (bài 5 dành cho HS khá giỏi)

MÔN TIN HỌC

Bài 2

LÀM QUEN VỚI CHƯƠNG TRÌNH VÀ NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH

1. Ngôn ngữ lập trình gồm những gì?

- Ngôn ngữ lập trình gồm: bảng chữ cái và các quy tắc

2. Từ khóa và tên

- Từ khóa là những từ dành riêng, không được dùng các từ khóa này cho bất kì mục đích nào khác ngoài mục đích do ngôn ngữ lập trình quy định.
- Tên do người lập trình đặt, thỏa mãn:
 - Tên khác nhau tương ứng với những đại lượng khác nhau.
 - Tên không được trùng với các từ khóa.

MÔN ANH VĂN

UNIT 1_ MY FRIENDS _ LESSON 3

LANGUAGE FOCUS:

I. VOCABULARY:

- | | | |
|-----|--|--|
| 1. | earth (n)
E.g. The earth circles/ moves around the sun | trái đất
Trái đất xoay quanh mặt trời. |
| 2. | Mercury (n)
set (v) | sao Thủy
lặn (mặt trời) |
| 3. | ≠ rise (v)
E.g. The sun rises in the East and sets in the West. | ≠ mọc (mặt trời)
Mặt trời mọc hướng đông và lặn hướng Tây |
| 4. | planet (n) | hành tinh |
| 5. | moon (n) | mặt trăng |
| 6. | Mars (n)
Die (v) | sao Hỏa
Chết |
| 7. | → dead (adj)
→ death (n) | → Cái chết |
| 8. | Survive (v) | Sống sót |
| 9. | shipwreck (n) | Sự chìm tàu |
| 10. | Ladder (n) | Cái thang |
| 11. | Ceiling (n) | Trần nhà |
| 12. | Kettle (n)
→ boil the kettle (v) | ấm nước
→ đun sôi ấm nước, nấu nước |

II. GRAMMAR: ENOUGH (ĐỦ)

1/. Nếu 2 câu cùng chủ từ

S + be + adj + enough + to V ...: đủ ... để làm gì...

Notes:

- + Bỏ “very, so, too, quite, extremely” trước tính từ (nếu có) ở câu 1
- + Bỏ “can/ can’t / could / couldn’t” nếu có
- + Nhớ bỏ “it/ them” trong câu còn lại khi viết lại “enough”
- + Nếu 2 vế khác mệnh đề thì phải dùng tính từ trái nghĩa.
big (to lớn) ≠ small (nhỏ)

tall (cao) ≠ short (thấp)
 long (dài) ≠ short (hair)
 old (cũ) ≠ new (mới)
 old (già, tuổi) ≠ young (trẻ)
 cheap (rẻ) ≠ expensive (đắt tiền)
 ugly (xấu) ≠ beautiful (đẹp)
 free (rảnh) ≠ busy (bận rộn)
 sick (bệnh) ≠ fine (khỏe)
 careful (cẩn thận) ≠ careless (bất cẩn)
 strong (khỏe mạnh) ≠ weak (yếu)

EX:

He wasn't very experienced . He couldn't do the job .

→ He wasn't experienced enough to do the job

2/

S + BE+ADJ => S + HAVE/HAS + (A/AN)+ ADJ + N

EX: She has long hair => Her hair is long

Her nose is small => She has a small nose

UNIT 1_ MY FRIENDS _ LESSON 3

COMPLETE THE SCOND SENTENCE SO THAT IT HAS A SIMILAR MEANING TO THE FIRST.

1/. ENOUGH TO:

S + be + adj + enough + to V ...: đủ ... để làm gì...

Notes:

+ Bỏ “ very, so, too, quite, extremely” trước tính từ (nếu có) ở câu 1

+ Bỏ “can/ can't / could / couldn't” nếu có

+ Nhớ bỏ “ it/ them” trong câu còn lại khi viết lại “enough”

+ Nếu 2 vế khác mệnh đề thì phải dùng tính từ trái nghĩa.

big (to lớn) ≠ small (nhỏ)

careful (cẩn thận) ≠ careless (bất cẩn)

tall (cao) ≠ short (thấp)

strong (khỏe mạnh) ≠ weak (yếu)

long (dài) ≠ short (hair)

old (cũ) ≠ new (mới)

old (già, tuổi) ≠ young (trẻ)

cheap (rẻ) ≠ expensive (đắt tiền)

ugly (xấu) ≠ beautiful (đẹp)

free (rảnh) ≠ busy (bận rộn)

sick (bệnh) ≠ fine (khỏe)

Exercises

1. Her sister is very tall . She plays volleyball very well
⇒ Her sister is _____
2. He wasn't very experienced . He couldn't do the job .
→ He wasn't _____
3. My younger brother are not old , so he can't have a front – door key.
→ My younger brother _____
4. The fire isn't very hot . It won't boil the kettle.
→ The fire _____
5. The student was smart. He answered the teacher's questions easily.
→ The student _____ .
6. The boy is very intelligent. He learns all the lessons in only half an hour.
→ The boy is _____.
7. The worker is very clever . He makes fine things from wood.
→ The worker _____
8. That student was very excellent. He did the test in only twenty minutes.
→ That student was _____
9. My sister is very old . She can't drive a car.
→ My sister isn't _____
10. She is very short. She can't play basketball.
→ She isn't _____

2/

S + BE+ADJ => S + HAVE/HAS + (A/AN)+ ADJ + N
--

11. My hair is long and black
--> I _____
12. He has a small nose
--> His _____
13. Her hair is short ,curly and fair
--> She _____
14. I have straight and brown
--> My _____
15. His hair is short , curly and brown

MÔN THỂ DỤC

Tiết: 3 - 4

BÀI THỂ DỤC – CHẠY BỀN

I/ MụcTiêu :

* Kiến Thức :

- Bài Thể dục : Ôn nhịp 1-8. Học từ nhịp 9 đến 17.
- Chạy bền : Chạy zích zắc , một số động tác hồi tỉnh sau khi chạy.

*Kỹ năng :

- Biết và nắm được nội dung bài học.
- Hiểu và thực hiện tương đối đúng động tác.

*Thái độ : Tự giác, tích cực trong học tập.

II/ Địa điểm – Thiết Bị Dạy Học :

- Địa điểm : Trên sân nhà, sân tập vệ sinh, an toàn.
- Phương tiện : Sân tập.

III/ Nội Dung Và Phương Pháp Lên Lớp :

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
I/ Mở Đầu: *. Khởi động : a. Chung : Đánh tay cao thấp, xoay cổ, xoay cổ tay	8 – 10 Phút	Đội hình khởi động

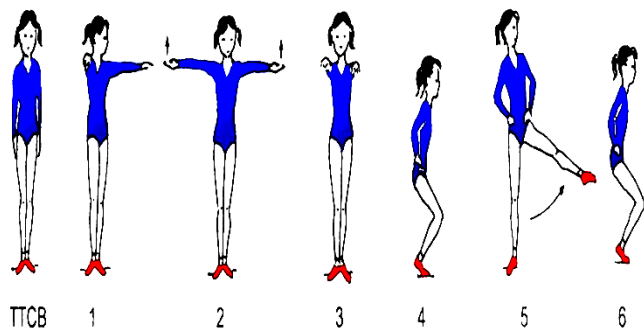
cổ chân, xoay khuỷu tay, xoay cánh tay, tay ngực, lưng bụng, vặn mình, hông gối, ép ngang, ép dọc.

b. Chuyên môn : Chạy bước nhỏ, chạy nâng cao đùi, chạy đạp sau.

II/ Cơ Bản :

1. Bài Thể dục:

a. Ôn nhịp 1-8.

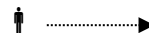


b. Học : Từ nhịp 9 đến 17.

2 lần x
8nhịp

40 – 45
Phút

♂ .HS



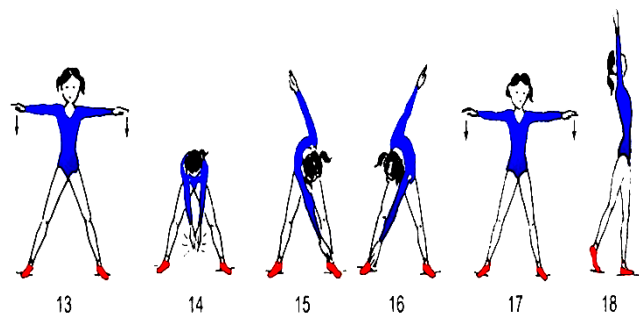
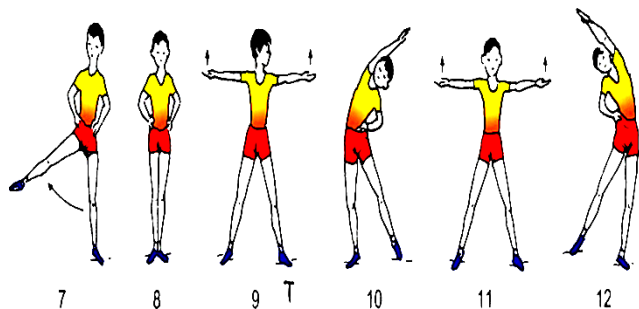
HS luyện tập 8 nhịp
Đội hình luyện tập

♂ .HS

- HS thực hiện theo hướng dẫn: Nhịp
9 - 17

♂ .HS

- Nhịp 9 : Bước chân trái sang bên
rộng hơn vai, hai tay đưa ra trước –
sang ngang, bàn tay ngửa, mắt nhìn
bàn tay trái.



- Nhịp 10 : Dồn trọng tâm vào chân phải, chân trái duỗi thẳng, mũi chân chạm đất, nghiêng lườn sang trái, tay trái chống hông, tay phải duỗi thẳng

hơi áp nhẹ vào tay.

- Nhịp 11 : Về như nhịp 9, mắt nhìn trước.

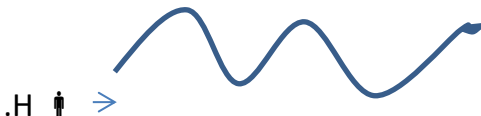
- Nhịp 12 : Như nhịp 10, nhưng đổi bên.

- Nhịp 13 : Như nhịp 11, nhưng bàn tay sấp.

- Nhịp 14 : Gập thân, hai chân thẳng, vỗ hai tay vào nhau sát mặt đất, cúi đầu mắt nhìn theo hai bàn tay.

- Nhịp 15 : Nâng thân lên một chút, sau đó gập thân vặn mình sang trái, tay phải chạm vào bàn chân trái, tay trái duỗi thẳng lên cao, hai chân thẳng, cúi đầu mắt nhìn theo bàn tay phải.

- Nhịp 16 : Nâng thân, sau đó gập thân, vặn mình sang phải, tay trái chạm vào bàn chân phải, tay phải duỗi thẳng lên cao, hai chân thẳng, cúi đầu mắt nhìn theo bàn tay trái.

2. Củng cố: Tập luyện 17 nhịp bài thể dục. 3. Chạy bền : * Chạy zích zắc * Một số động tác hồi tĩnh sau khi chạy : - Vừa đi vừa hít thở sâu kết hợp với động tác tay dang ngang hoặc đưa lên cao : hít vào, buông tay xuống : thở ra.. - Đứng hai chân giạng rộng bằng vai hoặc hơn vai, hai tay nắm lấy hai bắp đùi lắc sang hai bên. - Ngồi, hai chân chống đất phía trước, hai tay chống đất phía sau lắc hai bắp cẳng chân thả lỏng. - Nhảy thả lỏng toàn thân.	3 - 5 lần	- Nhịp 17 : Về như nhịp 13. HS luyện tập 17 nhịp của bài thể dục Đội hình luyện tập HS Chạy zích zắc 
--	------------------	---

III/ Kết Thúc: - Thả lỏng : Đứng tại chỗ làm các động tác gấp thân thả lỏng, rũ tay rũ chân, lắc đùi.. - Giao bài tập về nhà, xuống lớp.	3 – 5 Phút	Đội hình thả lỏng † .HS HS luyện tập 8 nhịp của bài thể dục
--	-------------------	--

MÔN SỬ

Sử 8

LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

(Từ giữa thế kỷ XVI đến năm 1917)

Chủ đề 1: CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ XÁC LẬP CHỦ NGHĨA TƯ BẢN (Từ giữa thế kỷ XVI đến nửa sau thế kỷ XIX) (6 tiết)

Nội dung 1: NHỮNG CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN ĐẦU TIÊN

I. Sự biến đổi về kinh tế, xã hội Tây Âu trong các thế kỷ XV - XVII. Cách mạng Hà Lan thế kỷ XVI

1. Sự biến đổi về kinh tế, xã hội Tây Âu trong các thế kỉ XV - XVII.

2. Cách mạng Hà Lan thế kỉ XVI - Cuộc CMTS đầu tiên.

- Nguyên nhân:

+ Thế kỉ XVI, nền kinh tế TBCN Ne-đéc-lan phát triển mạnh nhưng bị Vương quốc Tây Ban Nha thống trị, ngăn cản.

+ Chính sách cai trị hà khắc của phong kiến Tây Ban Nha

→ Mâu thuẫn dân tộc ngày càng gay gắt.

- Diễn biến

+ Nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân Ne-đéc-lan chống lại chính quyền phong kiến Tây Ban Nha diễn ra.

+ Năm 1581, các tỉnh miền Bắc Ne-đéc-lan đã thành lập “Các tỉnh liên hiệp” (Sau là Cộng hòa Hà Lan)

+ Năm 1648, Hà Lan giành được độc lập.

- Ý nghĩa:

Là cuộc cách mạng tư sản đầu tiên trên thế giới, đã lật đổ ách thống trị của thực dân Tây Ban Nha, mở đường cho CNTB phát triển.

II. Cách mạng tư sản Anh giữa thế kỉ XVII.

1. Nguyên nhân

- Đến thế kỷ XVII, nền kinh tế TBCN ở Anh phát triển mạnh.

- Ở nông thôn, nhiều quý tộc phong kiến chuyển sang kinh doanh theo con đường tư bản → Tầng lớp quý tộc mới.

- Chế độ phong kiến tiếp tục kìm hãm, ngăn cản phát triển kinh tế theo con đường tư bản.

→ Giai cấp tư sản liên minh quý tộc mới để lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế.

2. Tiến trình cách mạng: SGK

3. Tính chất và Ý nghĩa lịch sử của CMTS Anh:

- Cuộc CMTS Anh do tầng lớp quý tộc mới liên minh với giai cấp tư sản lãnh đạo.

- Là cuộc cách mạng không triệt để.

- Mở đường cho CNTB phát triển ở Anh.

III. Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ

1. Tình hình các thuộc địa. Nguyên nhân của chiến tranh.

- Sau khi Cô-lôm-bô tìm ra châu Mỹ, người Anh đến Bắc Mỹ và thiết lập được 13 thuộc địa và tiến hành chính sách cai trị, bóc lột nhân dân.

- Giữa thế kỷ XVIII, nền kinh tế TBCN ở 13 thuộc địa phát triển mạnh, nhưng thực dân Anh kìm hãm.

→ Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Bắc Mỹ với thực dân Anh trở nên gay gắt.

- Giai cấp tư sản, chủ nô lãnh đạo nhân dân Bắc Mỹ đã đứng lên đấu tranh để lật đổ ách thống trị của thực dân Anh, mở đường cho nền kinh tế TBCN phát triển.

2. Diễn biến cuộc chiến tranh

3. Kết quả, ý nghĩa

- Kết quả:

+ 1783, Anh thừa nhận nền độc lập của 13 thuộc địa và Hợp chúng quốc Mỹ được ra đời.

+ 1787, Mỹ ban hành Hiến pháp, quy định Mỹ là nước cộng hòa liên bang, đứng đầu là Tổng thống.

- Ý nghĩa:

+ Là cuộc CMTS, lật đổ ách thống trị của thực dân và mở đường cho CNTB phát triển.

+ Là cuộc cách mạng không triệt để vì chỉ có giai cấp tư sản, chủ nô được hưởng quyền lợi, quyền lợi nhân dân lao động không được đáp ứng

Nội dung 2: CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP CUỐI THẾ KỈ XVIII

I. Nước Pháp trước cách mạng

1. Tình hình kinh tế

- Nông nghiệp lạc hậu, công cụ thô sơ, mất mùa, đói kém, đời sống nông dân rất khổ cực.

- Kinh tế TBCN đã phát triển nhưng bị chế độ phong kiến kìm hãm, chưa có sự thống nhất về đơn vị đo lường và tiền tệ.

2. Tình hình chính trị - xã hội

- Pháp vẫn là nước quân chủ chuyên chế.
- Xã hội có 3 đẳng cấp: Tăng lữ, Quý tộc mâu thuẫn với Đẳng cấp thứ ba.

3. Đấu tranh trên mặt trận tư tưởng

- Đại diện cho trào lưu triết học Ánh sáng Pháp là Mông-te-ki-ơ, Vôn-te, Giăng Giắc Rút-xô.
 - Nội dung: Ủng hộ tư tưởng tiên bộ của giai cấp tư sản, kịch liệt lên án chế độ quân chủ chuyên chế của Lu-i XVI.
- Vai trò: Thúc đẩy cách mạng sớm bùng nổ.

II. Cách mạng bùng nổ và sự phát triển của cách mạng

Hướng dẫn học sinh lập bảng niên biểu các sự kiện chính. Nêu được phát triển của cách mạng.

THỜI GIAN	SỰ KIỆN	KẾT QUẢ
5/5/1789	Vua Lu-i XVI lại triệu tập Hội nghị ba đẳng cấp để tăng thuế	Đại diện của đẳng cấp thứ ba kịch liệt phản đối, nhà vua và quý tộc dùng quân đội đàn áp.
14/7/1789	Quần chúng tấn công và chiếm pháo đài – nhà ngục Ba-xti	mở đầu thắng lợi của CM.
14/7/1789 - 10/ 8 /1792	Phái Lập hiến thiết lập chế độ quân chủ lập hiến	Thông qua Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền, nêu khẩu hiệu “Tự do - Bình đẳng - Bác ái”. Hiến pháp được ban hành, xác lập chế độ quân chủ lập hiến
21/9/1792 - 2/6/1793	Phái Gi-rông-đanh tiếp tục làm cách mạng	Lật đổ phái Lập hiến và thiết lập nền cộng hòa
(02/6/1793 - 02/7/1794	Phái Gia-cô-banh lên nắm chính quyền, thiết lập nền	Xóa bỏ mọi nghĩa vụ của nông dân đối với phong kiến, chia ruộng đất

27/7/1794	chuyên chính dân chủ do Rô-be-spi-e đứng đầu Tư sản phản cách mạng tiến hành đảo chính, bắt Rô-be-spi-e để xử tử.	cho nông dân, quy định giá các mặt hàng. Xây dựng quân đội hùng mạnh, đánh bại ngoại xâm, nội phản. Cách mạng kết thúc
-----------	--	--

IV. Ý nghĩa lịch sử của cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII

- CMTS Pháp đã lật đổ chế độ phong kiến, đưa giai cấp tư sản lên nắm quyền.
- Là cuộc CMTS triệt để nhất.

MÔN SINH

BÀI 3-4: TẾ BÀO – ĐƠN VỊ CƠ BẢN CỦA SỰ SỐNG

I. TẾ BÀO- ĐƠN VỊ CƠ BẢN CỦA SỰ SỐNG

1. Cấu tạo tế bào

- Màng sinh chất
- Chất tế bào
- + Lưới nội chất
- + Ribôxôm
- + Ti thể
- + Bộ máy Gôngi
- + Trung thể
- Nhân
- + Nhiễm sắc thể

+ Nhân con

2. Hoạt động sống của tế bào.

- Mọi cơ thể sống đều cấu tạo từ tế bào
- Tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể vì thể hiện đầy đủ chức năng, đặc trưng cơ bản của sự sống như trao đổi chất, sinh trưởng, sinh sản và phát triển, cảm ứng (tiếp nhận và trả lời kích thích) và di truyền.

II. MÔ, CƠ QUAN VÀ HỆ CƠ QUAN

1. Mô, cơ quan và hệ cơ quan

- Mô: Tập hợp các tế bào chuyên hóa, cấu tạo giống nhau, cùng đảm nhận chức năng chung
- Cơ Quan: Tập hợp các mô có cùng chức năng
- Hệ Cơ Quan: Tập hợp các cơ quan khác nhau có cùng chức năng

2. Các loại mô

- Mô biểu bì :bảo vệ , hấp thụ và tiết
- Mô cơ: Co,dãn,tạo nên sự vận động
- Mô liên kết : Nâng đỡ , liên kết các cơ quan
- Mô thần kinh: Tiếp nhận kích thích, xử lí thông tin và điều hòasự hoạt động của các cơ quan để trả lời kích thích của môi trường.

III. BÀI TẬP

A. Tự luận

Câu 1: Tại sao nói nhân là trung tâm hoạt động của tế bào?

Câu 2: Tại sao nói tế bào là đơn vị chức năng của cơ thể?

B. Trắc nghiệm

Câu 1: Bào quan nào sau đây không có ở tế bào người?

- a. Trung thể

- b. Ti thể
- c. Lưới nội chất
- d. Lục lạp

Câu 2: Thành phần cấu trúc cơ bản của tế bào gồm

- a. Màng sinh chất, ti thể, nhân
- b. Chất tế bào, ribosome, nhân con.
- c. Nhân, chất tế bào, trung thể.
- d. Màng sinh chất, chất tế bào, nhân.

Câu 3: Trong tế bào, ti thể có vai trò gì?

- a. Tổng hợp và vận chuyển các chất
- b. Tham gia vào hoạt động hô hấp giải phóng năng lượng.
- c. Tổng hợp protein.
- d. Tham gia vào quá trình phân chia tế bào.

Câu 4: Bộ phận nào điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào?

- a. Lưới nội chất.
- b. Ti thể
- c. Nhân
- d. Bộ máy Golgi

Câu 5: Bào quan nào có vai trò điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào?

- a. Bộ máy Golgi
- b. Lục lạp
- c. Nhân
- d. Trung thể

Câu 6: Đơn vị chức năng của cơ thể là:

- a. Tế bào
- b. Mô

c.Cơ quan

d.Hệ cơ quan

MÔN GD&CD LIÊM KHIẾT

V. NỘI DUNG BÀI HỌC:

1. Thế nào là liêm khiết ?

Liêm khiết là phẩm chất đạo đức của con người thể hiện :

- Lối sống trong sạch;
- Không hám danh, hám lợi;
- Không bận tâm những toan tính nhỏ nhen, ích kỉ.

2. Ý nghĩa :

Sống liêm khiết sẽ làm cho con người :

- Sống thanh thản, sống có trách nhiệm;
- Nhận được sự quý trọng, tin cậy của mọi người;

Xã hội trong sạch, tốt đẹp hơn

MÔN ĐỊA

Tiết 2 - Bài 2 KHÍ HẬU CHÂU Á

<u>Nội dung ghi bài</u>
1/ Khí hậu châu Á phân hóa rất đa dạng : Khí hậu châu Á phân hóa đa dạng, phân hoá thành nhiều đới và kiểu khí hậu khác nhau thay đổi từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông . Ngoài ra , còn sự phân hóa theo độ cao. <u>2/ Khí hậu châu Á phổ biến là các kiểu khí hậu gió mùa và các kiểu khí hậu lục địa .</u> Có 2 kiểu khí hậu phổ biến : khí hậu gió mùa và khí hậu lục địa . +Khí hậu gió mùa: phạm vi ảnh hưởng bao gồm khu vực Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á.

Đặc điểm khí hậu gió mùa là trong năm có hai mùa rõ rệt : mùa đông có gió thổi từ nội địa ra nên không khí lạnh và khô, mưa ít, mùa hạ gió thổi từ đại dương vào lục địa thời tiết ẩm mưa nhiều

+Khí hậu lục địa : chiếm phần lớn diện tích nội địa của Châu Á và vùng Tây Nam Á. Đặc điểm khí hậu khô hạn, hình thành nhiều vùng hoang mạc và bán hoang mạc ở trung Á, Tây Nam Á.

Nguyên nhân: do châu Á kích thước rộng lớn, địa hình chia cắt phức tạp, núi và cao nguyên đồ sộ ngăn ảnh hưởng của biển.

MÔN CÔNG NGHỆ

TIẾT 2, 3. BÀI 2. HÌNH CHIẾU

I. KHÁI NIỆM VỀ HÌNH CHIẾU

Khi chiếu một vật thể lên mặt phẳng, hình nhận được trên mặt phẳng đó gọi là hình chiếu của vật thể.

II. CÁC PHÉP CHIẾU

Có 3 phép chiếu:

- + Phép chiếu xuyên tâm: các tia chiếu đồng quy tại 1 điểm.
- + Phép chiếu song song: các tia chiếu song song với nhau.
- + Phép chiếu vuông góc: các tia chiếu vuông góc với mặt. phẳng chiếu

III. CÁC HÌNH CHIẾU VUÔNG GÓC

1. Các mặt phẳng chiếu

- Mặt chính diện gọi là **mặt phẳng chiếu đứng**.
- Mặt nằm ngang gọi là **mặt phẳng chiếu bằng**.
- Mặt bên phải gọi là **mặt phẳng chiếu cạnh**.

2. Các hình chiếu

- **Hình chiếu đứng** có hướng chiếu từ trước tới.
- **Hình chiếu bằng** có hướng chiếu từ trên xuống.
- **Hình chiếu cạnh** có hướng chiếu từ trái sang.

IV. VỊ TRÍ CÁC HÌNH CHIẾU

- Hình chiếu bằng ở dưới hình chiếu đứng.
- Hình chiếu cạnh ở bên phải hình chiếu đứng.

MÔN MỸ THUẬT

Bài 2: Thường thức mỹ thuật

SƠ LƯỢC VỀ MỸ THUẬT THỜI LÊ (TỪ THẾ KỶ XV ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XVIII)

(Các em đọc hiểu)

Đất nước Việt Nam đã có hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, trải qua thời gian các triều đại phong kiến và nhân dân ta đã để lại một di văn hóa nghệ thuật phong phú, đa dạng và vô cùng độc đáo, mang đậm bản sắc dân tộc.

1/ Sơ lược về mỹ thuật thời Lê.

* Về xã hội:

Nối tiếp triều đại nhà Trần, sau khi đánh tan giặc Minh, năm 1428 Lê Lợi lên ngôi vua, lấy hiệu là Lê Thái Tổ, lập nên triều đại nhà Lê (1385-1433). Đặt tên nước là Đại Việt, đóng đô tại Đông Đô (Hà Nội).

Nhà Lê xây dựng một chính quyền phong kiến trung ương tập quyền ngày càng hoàn thiện, chặt chẽ, tập trung khôi phục sản xuất nông nghiệp, đắp đê và xây dựng những công trình thủy lợi lớn.

Nhà Lê là triều đại phong kiến tồn tại lâu nhất và có nhiều biến động nhất trong lịch sử xã hội Việt Nam (từng bị nhà Mạc chiếm quyền 11 năm). Cuối triều Lê, các thế lực Trịnh - Nguyễn tranh giành quyền lực và nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân đã nổ ra.

* Về tư tưởng:

- Nhà Lê đề cao Nho giáo và văn hóa Trung Hoa, thời kỳ đầu Phật giáo không được còn coi trọng như thời Trần, về sau mới hưng thịnh..

II/ sơ lược về mỹ thuật thời lê:

1/ Kiến trúc cung đình

Từ năm 1490 cho đến thế kỷ XVI kinh thành mới có nhiều thay đổi. Trong thời gian này tường hoàng thành cũng như Đại La thành luôn được xây đắp mở rộng thêm ra. Lê Thánh Tông cho xây lại Hoàng Thành mở rộng thêm 8 dặm nữa. Công việc xây dựng trong 8 tháng mới xong. Trong Hoàng Thành Lê Thánh Tông cũng cho xây thêm cung điện và lập vườn Thượng lâm để nuôi bách thú. Năm 1514

Từ năm 1516 đến năm 1527 là năm nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, kinh thành Đông Kinh chìm trong loạn lạc. Hầu hết các cung điện kho tàng đền chùa cũng như phường phố bị thiêu đốt tàn phá nhiều lần. Họ Trịnh lần lượt chiếm được nhiều tỉnh phía bắc như Ninh Bình, Hà Nam, Bắc Ninh... và đánh đến tận Thăng Long. Nhà Mạc phải rời bỏ kinh thành chạy lánh nạn nơi này nơi khác. Đông Kinh ngày một điêu tàn.

2/ Kiến trúc tôn giáo:

Nhà Lê phát triển các loại hình nghệ thuật kiến trúc tôn giáo nào?

Nho giáo: nhà Lê đã cho xây dựng nhiều miếu thờ Khổng Tử và trường dạy Nho học, xây dựng lại Văn Miếu, Quốc Tử Giám, xây dựng đền thờ những người có công với đất nước như: Phùng Hưng; Ngô Quyền; Lê Lai,.

Phật giáo: Thời Lê trung hưng đã cho tu sửa và xây dựng một số chùa tháp theo kiến trúc Phật giáo như: Chùa Keo (Thái Bình); chùa Thái Lạc (Hưng Yên); chùa Bút Tháp (Bắc Ninh); chùa Thầy (Hà Tây); chùa Thiên Mụ (Huế); chùa Thanh Long Bảo Khánh (Hội An),.

2/ Nghệ thuật điêu khắc và chạm khắc trang trí:

a/ Điêu khắc:

Điêu khắc và chạm khắc trang trí thường gắn bó với loại hình nghệ thuật kiến trúc, bổ sung và làm cho các công trình kiến trúc trở nên hoành tráng và lộng lẫy hơn.

Chất liệu đá và gỗ, ngoài ra còn có gốm và đất nung nhưng số lượng rất ít.

Một số tác phẩm điêu khắc trên đá thời Lê

Các pho tượng đá tạc người và các con vật ở kinh đô Thăng Long, khu lăng miếu ở Lam Kinh, các bệ rồng ở điện Kính Thiên, thành bậc đàn Nam Giao, thành bậc ở Văn Miếu, vv.

Một số tác phẩm điêu khắc trên gỗ thời Lê

Một số pho tượng gỗ đẹp còn lại cho đến ngày nay như: tượng Phật bà Quan Âm nghìn mắt nghìn tay (chùa Bút Tháp); tượng Quan Âm Thiên Thủ (chùa Kim Liên); tượng Hoàng hậu vua Lê Thần Tông (chùa Mật-T.Hoá); Phật nhập Niết bàn (chùa Phổ Minh - Nam Định).

- Các pho tượng bằng đá đều nhỏ và được tạc rất gần với nghệ thuật dân gian.

b/ Chạm khắc trang trí:

Hình khối nổi bật, sinh động, miêu tả cảnh sinh hoạt của người dân.

Ngoài điêu khắc và chạm khắc trang trí ra thời Lê còn có các dòng tranh khắc gỗ Đông Hồ, Hàng Trống ra đời trong thời Lê đã tạo ra những bức tranh dân gian đặc sắc, góp phần làm giàu thêm cho tài sản quý giá trong kho tàng nghệ thuật dân tộc Việt Nam.

về mỹ thuật thời Lê

3/ Nghệ thuật gốm:

- Kế thừa tinh hoa của nghệ thuật gốm thời Lý - Trần nhưng có nét độc đáo và mang đậm chất dân gian, màu men ngọc tinh tế, gốm hoa nâu chắc khỏe, giản dị.

- Gốm thời Lê vừa có nét trau chuốt, khoẻ khoắn, tạo dáng và bố cục hình thể theo một tỷ lệ cân đối và chính xác, vừa có các họa tiết được thể hiện theo phong cách hiện thực.

- Nghệ thuật chạm khắc, nghệ thuật gốm và tranh dân gian đạt tới mức điêu luyện, giàu tính hiện thực. Trần xuất hiện rồng uốn hình yên ngựa, dáng dấp dũng mãnh, rồng bò. Có thể do cuộc sống chinh chiến nhiều nên cũng ảnh hưởng đến phong cách rồng trong nghệ thuật.

Không có bài tập

MÔN ÂM NHẠC

Tập đọc nhạc số 1: Chiếc đèn ông sao

Tập đọc nhạc số 1

CHIẾC ĐÈN ÔNG SAO



Vừa phải

Nhạc và lời: Phạm Tuyên

Tùng rinh rinh tùng tùng tùng rinh rinh. Đây ánh sao vui chiều

xa sáng ngời. Tùng rinh rinh rinh rinh tùng rinh rinh. Ánh

sao Bác Hồ tỏa sáng nơi nơi.

Học sinh xem bài hát trên và trả lời câu hỏi sau:

- 1/ Em hãy kẻ tập đọc nhạc số 1 vào tập và điền tên nốt
- 2/ Câu hát cuối bài “Ánh sao Bác Hồ tỏa sáng nơi nơi” có nghĩa là gì?
- 3/ Mình sẽ học được gì từ đức tính của Bác?

LƯU Ý: - HỌC SINH NHỚ CHÉP BÀI, TRẢ LỜI CÂU HỎI

- GIÁO VIÊN SẼ KIỂM TRA TẬP HỌC SINH KHI HỌC TRỞ LẠI BÌNH THƯỜNG.
TRƯỜNG HỢP VẪN DẠY ONLINE, GIÁO VIÊN ÂM NHẠC SẼ KIỂM TRA TRỰC TIẾP KHI DẠY.

😊 CHÚC CÁC EM HỌC TỐT 😊

MÔN HÓA NGUYÊN TỬ

- Nguyên tử là hạt vô cùng nhỏ và trung hòa về điện.
- Nguyên tử gồm hạt nhân mang điện dương (+) và vỏ tạo bởi 1 hay nhiều electron mang điện âm (-).
- Hạt proton (p, +); electron (e, -), neutron (n).
- Trong một nguyên tử: số p = số e.

NGUYÊN TỐ HÓA HỌC

I. Nguyên tố hóa học là gì ?

Nguyên tố hóa học là tập các nguyên tử cùng loại, có cùng số p trong hạt nhân.

Tên nguyên tố	Ký hiệu hóa học	Nguyên tử khối (NTK)
Carbon	C	12
Zinc	Zn	65
Aluminium	Al	27
Iron	Fe	56

II. Đơn vị carbon (C)

1 đơn vị carbon = $\frac{1}{12}$ khối lượng của nguyên tử C.
 $= \frac{1}{12} \times 1,9926 \cdot 10^{-23} \text{ g}$

1 đvC = $0,166 \times 10^{-23} \text{ g}$

III. Nguyên tử khối

Là khối lượng của 1 nguyên tử được tính bằng đơn vị carbon (C)

Ví dụ: Fe = 56, Ca = 40, Al = 27.

- Có hơn 100 nguyên tố.

BÀI TẬP

1. So sánh nguyên tử Mg nặng hay nhẹ hơn nguyên tử O, H, S bao nhiêu lần (Mg=24, H=1, S=32)

$$* \frac{Mg}{O} = \frac{24}{16} = \frac{3}{2}$$

Vậy nguyên tử Mg nặng hơn nguyên tử O bằng 3/2 lần.

$$* \frac{Mg}{H} = \frac{24}{1} = 24$$

Vậy nguyên tử Mg hơn nguyên tử H bằng lần.

$$* \frac{Mg}{S} = \frac{24}{32} = \frac{3}{4}$$

Vậy nguyên tử Mghơn nguyên tử S bằng.....lần.

2. Cách viết sau chỉ ý gì: 7O, 5C, 6Mg, 7Fe, 8K, 5Hg

7O: Bảy nguyên tử O

5C: Năm nguyên tử C

6Mg:

8K:

5Hg: **ĐÁP ÁN**

1. So sánh nguyên tử Mg nặng hay nhẹ hơn nguyên tử O, H, S bao nhiêu lần (Mg=24, H=1, S=32)

$$* \frac{Mg}{O} = \frac{24}{16} = \frac{3}{2}$$

Vậy nguyên tử Mg nặng hơn nguyên tử O bằng 3/2 lần.

$$* \frac{Mg}{H} = \frac{24}{1} = 24$$

Vậy nguyên tử Mg nặng hơn nguyên tử H bằng 24 lần.

$$* \frac{Mg}{S} = \frac{24}{32} = \frac{3}{4}$$

Vậy nguyên tử Mg nhẹ hơn nguyên tử S bằng $\frac{3}{4}$ lần.

2. Cách viết sau chỉ ý gì: 7O, 5C, 6Mg, 7Fe, 8K, 5Hg

7O: Bảy nguyên tử O

5C: Năm nguyên tử C

6Mg: Sáu nguyên tử Mg.

8K: Tám nguyên tử K

5Hg: Năm nguyên tử Hg.

§3. NHỮNG HẰNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ

1. Bình phương của một tổng

Với a, b là 2 số bất kì, thực hiện phép tính $(a+b)(a+b)$.

$$\text{Ta có } (a + b)(a + b) = a^2 + ab + ab + b^2 = a^2 + 2ab + b^2$$

$$\text{Từ đó rút ra } (a + b)^2 = a^2 + 2ab + b^2$$

Với A, B là các biểu thức tùy ý, ta cũng có:

$$(A + B)^2 = A^2 + 2AB + B^2$$

Áp dụng:

- a) Tính $(a + 1)^2$
- b) Viết biểu thức $x^2 + 4x + 4$ dưới dạng bình phương của một tổng
- c) Tính nhanh: 51^2

Giải:

$$\text{a) } (a + 1)^2 = a^2 + 2a + 1$$

$$\text{b) } x^2 + 4x + 4 = x^2 + 2.x.2 + 2^2 = (x + 2)^2$$

$$c) 51^2 = (50 + 1)^2 = 50^2 + 2.50 + 1 = 2500 + 100 + 1 = 2601$$

2. Bình phương của một hiệu

$$Ta\ có\ (a - b)(a - b) = a^2 - ab - ab + b^2 = a^2 - 2ab + b^2$$

$$Từ\ đó\ rút\ ra\ (a - b)^2 = a^2 - 2ab + b^2$$

Với hai biểu thức tùy ý A và B ta cũng có:

$$(A - B)^2 = A^2 - 2AB + B^2$$

Áp dụng

$$\begin{array}{ll} \text{a) Tính} & \left(x - \frac{1}{2}\right)^2 \\ \text{b) tính} & (2x - 3y)^2 \end{array}$$

Giải

$$\text{a) } \left(x - \frac{1}{2}\right)^2 = x^2 - 2x\left(\frac{1}{2}\right) + \left(\frac{1}{2}\right)^2 = x^2 - x + \frac{1}{4}$$

$$b) \quad (2x - 3y)^2 = (2x)^2 - 2(2x)(3y) + (3y)^2 = 4x^2 - 12xy + 9y^2$$

3. Hiệu hai bình phương

Thực hiện phép tính $(a + b)(a - b)$ (với a, b là các số tùy ý)

$$\text{Ta có: } (a + b)(a - b) = a^2 - ab + ab - b^2 = a^2 - b^2$$

$$\text{Từ đó rút ra } a^2 - b^2 = (a + b)(a - b).$$

Với A và B là các biểu thức tùy ý ta cũng có:

$$A^2 - B^2 = (A + B)(A - B)$$

Áp dụng

$$a/\text{Tính } (x + 1)(x - 1)$$

$$b/\text{Tính } (x - 2y)(x + 2y)$$

Giải:

$$a) \quad (x + 1)(x - 1) = x^2 - 1$$

$$b) \quad (x - 2y)(x + 2y) = x^2 - (2y)^2 = x^2 - 4y^2$$

?7 Ai đúng? Ai sai?

Đức viết: $x^2 - 10x + 25 = (x - 5)^2$

Thọ viết: $x^2 - 10x + 25 = (5 - x)^2$

Hương nhận xét: Thọ viết sai, Đức viết đúng.

Sơn nói: Qua ví dụ trên mình rút ra một hằng đẳng thức rất đẹp!

Hãy nêu ý kiến của em. Sơn rút ra được hằng đẳng thức nào?

Giải

Đức và Thọ đều viết đúng vì:

$$x^2 - 10x + 25 = 25 - 10x + x^2$$

$$\Rightarrow (x - 5)^2 = (5 - x)^2$$

Sơn đã rút ra hằng đẳng thức:

$$(A - B)^2 = (B - A)^2$$

4. Củng cố

Các phép biến đổi sau đúng hay sai?

a) $(x - y)^2 = x^2 - y^2$

b) $(x + y)^2 = x^2 + y^2$

c) $(2a + 3b)(3b - 2a) = 9b^2 - 4a^2$

Bài học hôm nay kết thúc. Vậy qua bài học các em cần ghi nhớ

những nội dung :

1) Bình phương của một tổng

2) Bình phương của một hiệu

3) Hiệu hai bình phương

$$(A + B)^2 = A^2 + 2AB + B^2$$

$$(A - B)^2 = A^2 - 2AB + B^2$$

$$A^2 - B^2 = (A + B)(A - B)$$

Tiết 4. LUYỆN TẬP



$$A(B + C) = AB + AC$$



$$(A + B)(C + D) = AC + AD + BC + BD$$



$$(A + B)^2 = A^2 + 2AB + B^2$$

$$(A - B)^2 = A^2 - 2AB + B^2$$

$$A^2 - B^2 = (A + B)(A - B)$$

1/ Rút gọn biểu thức

Phương pháp

Bước 1: Thực hiện phép nhân và khai triển các hằng đẳng thức để bỏ dấu ngoặc

Bước 2: Cộng các đơn thức đồng dạng

với nhau

Nhắc lại:

+ Các đơn thức đồng dạng là các đơn thức có phần hệ số khác 0 và có cùng phần biến .

+ Muốn cộng (hay trừ) các đơn thức đồng dạng, ta cộng (hay trừ) các hệ số với nhau và

Ví dụ:

$$\begin{aligned}(x-4)^2 + 8x - 3 \\&= x^2 - 8x + 16 + 8x - 3 \\&= x^2 + 13\end{aligned}$$

Bài tập: Rút gọn biểu thức

$$1) (x+2)^2 + 2(x+1)$$

$$2) (x-4)^2 + (x+1)(x+2)$$

$$3) (x-y)^2 + 2x(x+y)$$

$$4) (x-2)(x+2) + 3(x^2 - 4)$$

$$5) 9x^2 - (3x+1)(3x-1)$$

$$6) (x+1)(x-1) - (2x-3)^2$$

$$7) (x-3)^2 + (1+x)(1-x)$$

$$8) (x-2)(x+2) + 3(x^2 - 4)$$

$$9) 4x^2 - (2x+1)^2 + 3$$

$$10) (x+2)^2 + (x-1)(x+1)$$

$$11) (7x+5)(x-2) - (x+2)^2$$

$$12) (3-x)^2 - 2x(x+5)$$

2/ Tìm x

Phương pháp

Bước 1: Thực hiện phép nhân và khai triển hằng đẳng thức để bỏ dấu ngoặc

Bước 2: Chuyển các hạng tử có biến sang vế trái và hằng số sang vế phải (**chuyển vế nhớ đổi dấu**)

Bước 3: Rút gọn 2 vế để đưa về dạng $ax = b$, suy ra $x = \frac{b}{a}$

Chú ý: Nếu $a = 0$ và $b = 0$, khi đó $0x = 0$, ta kết luận : $x \in \mathbb{R}$

Nếu $a = 0$ và $b \neq 0$, khi đó $0x = b$, ta kết luận : $x \in \emptyset$

Ví dụ: Tìm x, biết:

$$\begin{aligned} 1/ (x + 7)^2 - x(x - 3) &= 12 \\ x^2 + 14x + 49 - x^2 + 3x &= 12 \\ 17x &= 12 - 49 \\ 17x &= -37 \\ x &= \frac{-37}{17} \end{aligned}$$

Bài tập

$$1/ (3 + x)^2 - x(x - 4) - 9 = 10x$$

$$2/ (4 - x)(4 + x) + (x - 2)^2 = -4x$$

$$3/ 4x^2 - 9 = 0$$

$$4/ x^2 + 10x + 25 = 0$$

$$5/ 4x^2 - 4x + 1 = 0$$

$$6/ (2x - 3)^2 - 4x^2 = 10$$

$$7/ (x - 3)(x + 3) - x(x - 2) = 0$$

$$8/ 25x(x - 1) - (5x - 1)^2 = 14$$

DẶN DÒ:

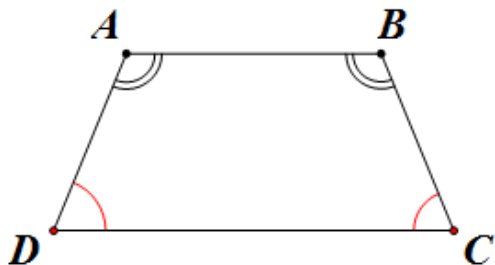
Học thuộc hằng đẳng thức

Xem lại bài

BÀI 3. HÌNH THANG CÂN

1. Định nghĩa:

Hình thang cân là hình thang có hai góc kề một đáy bằng nhau

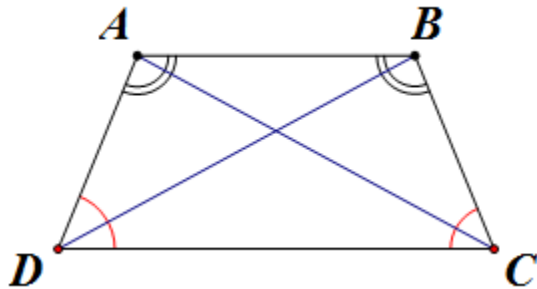


Tứ giác ABCD là hình thang cân đáy AB, CD

$$\Leftrightarrow \begin{cases} AB // CD \\ A = B \left(C = D \right) \end{cases}$$

2. Tính chất:

Định lí : Trong hình thang cân **hai cạnh bên bằng nhau, hai đường chéo bằng nhau**



VD: Cho hình thang cân ABCD ($AB \parallel CD$)

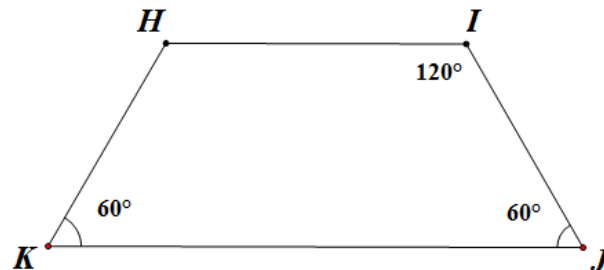
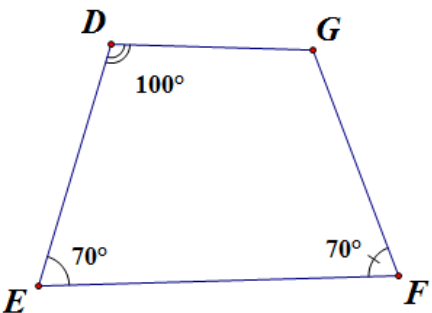
Suy ra : $AD = BC$ và $AC = BD$

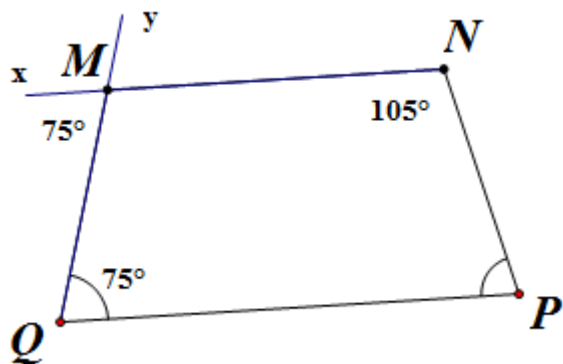
3. Dấu hiệu nhận biết hình thang cân

- Hình thang có **hai góc kề một đáy bằng nhau** là hình thang cân
- Hình thang có **hai cạnh bên bằng nhau** là hình thang cân

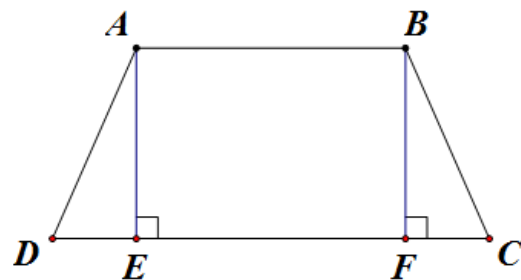
BÀI TẬP

1. Trong các hình sau đây, hình nào là hình thang cân?



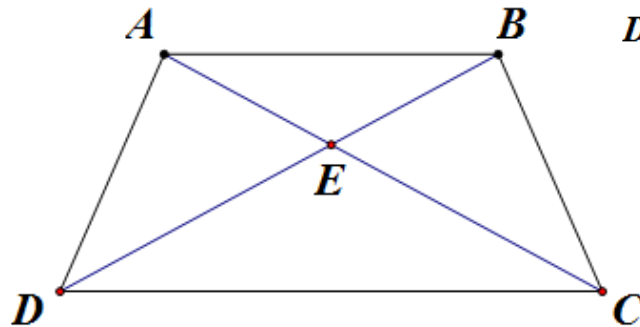


2. Cho hình thang cân ABCD ($AB \parallel CD$, $AB < CD$). Kẻ các đường cao AE, BF của hình thang. Chứng minh: $DE = CF$



Chứng minh: $EA = EB$, $EC = ED$

3. Cho hình thang cân ABCD ($AB \parallel CD$), E là giao điểm của hai đường chéo. Chứng minh: $EA = EB$, $EC = ED$



GT	ABCD là hình thang cân ($AB \parallel CD$), E là giao điểm AC, BD AD=BC AC = BD
KL	EA = EB, EC = ED

4. Cho tam giác ABC cân tại A. trên các cạnh bên AB, AC lấy theo thứ tự các điểm D và E sao cho $AD = AE$.

a) Chứng minh rằng BDEC là hình thang cân

b) Tính các góc của hình thang cân đó, biết rằng số đo góc A là 50°

Nhắc lại: Trong tam giác cân,

Góc ở đỉnh = $180^\circ - 2 \cdot \text{Góc ở đáy}$

Góc ở đáy = $(180^\circ - \text{Góc ở đỉnh}) : 2$

